

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 03 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Viên Thị Minh

Ông Hà Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Văn T - sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Chị Đỗ Thị T1 - sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/5/2011. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con và nợ nần nhiều. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thùy L, sinh ngày 01/12/2012 và Lê Minh Q, sinh ngày 22/01/2017. Nguyên vọng của anh T khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu Q và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị T1 có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý giao cháu L và cháu Q cho chị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 mỗi cháu là 2.500.000đ/ một tháng; hai cháu là 5.000.000đ/một tháng.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 18/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đỗ Thị T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T1 thừa nhận như anh Lê Văn T trình bày về điều kiện kết hôn, ngày tháng năm và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị T1 và gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T có đơn xin ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thùy L, sinh ngày 01/12/2012 và Lê Minh Q, sinh ngày 22/01/2017. Nếu phải ly hôn, chị T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Lê Thùy L và Lê Minh Q; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 là 2.500.000đ/một tháng/một cháu; hai cháu là 5.000.000đ/một tháng.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 16/11/2023 cháu Lê Thùy Linh, sinh ngày 01/12/2012 trình bày:*

Cháu là Lê Thùy L, con của bố Lê Văn T và mẹ Đỗ Thị T1. Hiện nay bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa, cháu không muốn bố mẹ ly hôn; nhưng nếu bố mẹ cháu buộc phải ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

* Tại phiên tòa anh Lê Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Đỗ Thị T1. Chị Đỗ Thị T1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn T; xử cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T1. Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 có 02 con chung là Lê Thùy L, sinh ngày 01/12/2012 và Lê Minh Q, sinh ngày 22/01/2017. Giao cho chị Đỗ Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Thùy L và Minh Q và anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 là 2.500.000đ/ một tháng/một cháu; hai cháu là 5.000.000đ/một tháng; kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi hai cháu Thùy L và Minh Q thành niên. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn T khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Đỗ Thị T1 có địa chỉ tại: xã N, huyện Quảng Xương và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/5/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T và chị T1 đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, nên thường xuyên cãi nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con; gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; chị Đỗ Thị T1 không đồng ý ly hôn, nhưng chị T1 lại không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng; dẫn đến việc anh T vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T1 không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Đỗ Thị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 có 02 con chung là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 22/01/2017.

Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung; nếu chị T1 có nguyện vọng nuôi cả hai con thì anh T cũng đồng ý giao cho chị T1 nuôi cả hai con và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 mỗi cháu 2.500.000đ/một tháng, hai cháu là 5.000.000đ/một tháng, cho đến khi hai cháu Thùy L và Minh Q thành niên. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị T1 cũng có nguyện vọng nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000đ/một tháng, hai cháu là 5.000.000đ/một tháng, cho đến khi hai cháu Thùy L và Minh Q thành niên. HĐXX thấy rằng: Hiện nay hai con của anh T và chị T1 đều đang ở độ tuổi đi học, lâu nay các cháu lại đang ở với chị T1, được nuôi ăn ở và học tập rất tốt, anh T cũng đồng ý nếu chị T1 có nguyện vọng nuôi cả hai con thì giao cả hai con cho chị T1 nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 mỗi cháu 2.500.000đ/một tháng, hai cháu là 5.000.000đ/một tháng; mặt khác cháu Thùy L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu nên giao cả hai cháu Lê Thùy L và Lê Minh Q cho chị Đỗ Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 mỗi cháu 2.500.000đ/một tháng, hai cháu là 5.000.000đ/một tháng, kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi hai cháu Thùy L và Minh Q thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Lê Văn T.

Xử:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Đỗ Thị T1.

- Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 có 02 con chung là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 22/01/2017.

Giao cho chị Đỗ Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Lê Thùy L và Lê Minh Q. Anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 mỗi cháu 2.500.000đ/một tháng, hai cháu là 5.000.000đ/một tháng, kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi hai cháu Lê Thùy L và Lê Minh Q thành niên.

Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản và nợ: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh Lê Văn T phải nộp 600.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009921 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Anh Lê Văn T còn phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1. Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã N,h Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thu Thủy

